TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 5 – 2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel

2. Ông Hà Văn Châu

***Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Như Ý, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 19xx8; Địa chỉ: Số , đường N, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 19zz; Địa chỉ: Số , đường N, Khóm x, Phường y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2022 và các lời khai tại Toà án nguyên đơn bà Trần Thị Thúy H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thúy H và ông Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn vào ngày 07/07/2008 tại Ủy ban nhân dân phường 2, Thành Phố Sóc trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

Từ khi kết hôn đến nay, cuộc sống gia đình luôn có nhiều mâu thuẫn, vợ

chồng thường hay gây gỗ, cự cải và luôn bất đồng về quan điểm sống; Trong mọi việc của gia đình ông N tự ý quyết định một mình mà không bàn bạc trao đổi cùng vợ nên gây ra việc nợ nần trong một thời gian dài, bà H áp lực với việc các chủ nợ thường xuyên đến nhà đòi nợ; Trong quan hệ vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ, tôn trọng; Nhiều lần nhậu say ông N về nhà thường ghen tuông, chửi mắng, la lối và có lời lẽ không tôn trọng gia đình gây ra sự sợ hãi, bạo lực về mặt tinh thần cho bà H, các con và cả gia đình; Về tài chính thì gia đình ông N không minh bạch, rõ ràng và không có đóng góp tài chính cùng lo cho gia đình.

- Về con chung: có hai con chung gồm tên Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 0x/0x/20xx và Nguyễn Trần Gia P, sinh ngày 0x/0x/20xx.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Nay bà H yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Trần Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: cả hai con chung tên Nguyễn Trần Bảo Ng và Nguyễn Trần Gia P, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật là vắng mặt nhiều lần không có lý do.

- Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà H và ông N là vợ chồng trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N và yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cho nên,

xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông N có địa chỉ thường trú tại thành phố Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[3] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Toà án đã tống đạt hợp lệ nguyên đơn, bị đơn đến tham gia phiên toà lần thứ hai mà nguyên đơn, bị đơn vẫn vắng mặt (nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do). Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông Ngoan kết hôn vào năm 2008, có đi đăng ký kết hôn tại UBND Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, ngày 07/7/2008. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà H và ông N đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H: Hội đồng xét xử thấy rằng, theo lời trình bày của bà H thì từ khi kết hôn đến nay, cuộc sống gia đình luôn có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay gây gổ, cự cải và luôn bất đồng về quan điểm sống. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà H là do mọi việc của gia đình ông N tự quyết định một mình mà không có bàn bạc, trao đổi với bà H; trong quan hệ vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẽ tôn trọng; nhiều lần nhậu say ông N về nhà thường ghen tuông chửi mắng, la lối và có lời lẽ không tôn trọng gia đình gây ra sự sợ hãi, bạo lực về mặt tinh thần đối với bà và gia đình... Bà H đã nhiều lần can ngăn, nắc nhỡ, khuyên nhũ và tọa điều kiện cho ông N sửa chữa nhưng ông N vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng nhiều, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng, áp lực ... dẫn đến tình trạng hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau như vợ chồng nữa. Từ những phân tích trên cho thấy thực trạng mâu thuẫn giữa bà H và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; hiện nay bà H và ông N mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn thương yêu và chăm sóc lẫn nhau thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[6] Về con chung: bà Hằng và ông Ngoan có 02 người con chung tên Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 0x/x/20xx và Nguyễn Trần Gia P, sinh ngày 0x/x/20xx, hiện nay do bà Hằng đang nuôi dưỡng. Nhận thấy, con từ trước đến nay đều do bà H chăm sóc nuôi dưỡng và hiện nay 02 cháu về tâm sinh lý phát triển bình thường, được đi học, được bà H chăm lo đầy đủ về các điều kiện sinh hoạt hàng ngày. Cháu Ngọc có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Xuất phát từ mọi lợi ích của 02 cháu, căn cứ vào Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia

đình cần phải giao cháu Ng, cháu P cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung: bà H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về nợ chung: bà H trình bày vợ chồng không có nợ chung và cũng không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Toà án không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tung Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án bà H phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Áp dụng: điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thúy H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: sau khi bà H ly hôn với ông N, con chung tên Nguyễn Trần Bảo Ng, sinh ngày 0x/x/20xx và Nguyễn Trần Gia P, sinh ngày 0x/x/20xx, giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N không có cấp dưỡng cho cháu Ng, cháu P.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Ng, cháu P mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Toà án không có xem xét giải quyết.

4.Về nợ chung: Toà án không có xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Thúy H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai

số 0000951 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND -TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- TAND - TST;
- UBND phường 2, TPST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh Bình